

Biểu số: 013.N/BCC-TMDV

Ban hành theo.....

Ngày nhận báo cáo:

Ngày 30/9 năm sau

**BÁO CÁO CHÍNH THỨC KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG - Đơn vị báo cáo: Cục Thống kê
DỊCH VỤ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG VÀ
CHUYÊN MÔN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ**

Năm.....

- Đơn vị nhận báo cáo: Tổng cục
Thống kê

	Mã số	Tổng số cơ sở (Cơ sở)	Tổng số lao động tại thời điểm 31/12 (Người)	Tổng doanh thu thuần (Triệu đồng)	Phân theo loại hình kinh tế			Doanh thu thuần bình quân 1 cơ sở (Triệu đồng)	Doanh thu thuần bình quân 1 lao động (Triệu đồng)
					Kinh tế Nhà nước	Kinh tế ngoài Nhà nước	Kinh tế có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
1. Dịch vụ thông tin và truyền thông									
1.1. Dịch vụ xuất bản (ngành 58)	01								
1.2. Dịch vụ điện ảnh, sản xuất chương trình truyền hình, ghi âm và xuất bản âm nhạc (ngành 59)	02								
1.3. Dịch vụ phát thanh, truyền hình (ngành 60)	03								

1.4. Dịch vụ viễn thông (ngành 61)	04								
1.5. Dịch vụ lập trình máy vi tính và các dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính (ngành 62)	05								
1.6. Hoạt động dịch vụ thông tin (ngành 63)	06								
<i>Trong đó: Dịch vụ xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan; cổng thông tin</i>	07								
2. Dịch vụ chuyên môn, khoa học và công nghệ									
2.1. Dịch vụ pháp luật, kế toán và kiểm toán (ngành 69)	08								
2.2. Dịch vụ kiến trúc; kiểm tra và phân tích kỹ thuật (ngành 71)	09								
2.3. Dịch vụ nghiên cứu khoa học và phát triển (ngành 72)	10								
2.4. Dịch vụ quảng cáo và nghiên cứu thị trường (ngành 73)	11								
2.5. Dịch vụ chuyên môn, khoa học và công nghệ khác (ngành 74)	12								

2.6. Dịch vụ thú y (ngành 75)	13								
-------------------------------	----	--	--	--	--	--	--	--	--

Lưu ý: Gửi kèm theo danh sách các cơ sở dịch vụ theo ngành cấp 2 gồm các chỉ tiêu: Tên cơ sở, mã số thuế, doanh thu

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Người kiểm tra biểu
(Ký, họ tên)

....., Ngàytháng năm
Cục trưởng
(Ký, đóng dấu, họ tên)

Nguồn: Thông tư 01/2019/TT-BKHĐT